TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST Ngày 06-12-2017 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Việt - thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quang Đại - kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 250/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1986;

Đăng ký HKTT: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Thôn N1, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981;

Đăng ký HKTT và hiện trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị D, anh T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau vào ngày 02/3/2004, sau khi kết hôn, chị sống cùng anh T tại gia đình anh T ở thôn N, xã Đ, huyện T. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau trong mọi việc nên thường xuyên xung đột, cãi vã nhau. Chị không

thể chịu đựng được nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N1, xã Đ, huyện T sống. Anh chị sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có hai con chung là Phạm Đức Bình, sinh ngày 14/5/2005 và Phạm Đức An, sinh ngày 16/5/2009, từ khi anh chị ly thân nhau, cháu Bình vẫn ở cùng anh T còn cháu An ở cùng chị. Nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là để mỗi người nuôi một con, chị sẽ nuôi cháu An còn để anh T nuôi cháu Bình, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt các văn bản, tài liệu cho bị đơn là anh Phạm Văn T và nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án giải quyết vụ ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án tiến hành ghi lời khai của anh T tại nhà ở anh T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2017, anh T cũng khai nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị D đã khai, anh xác định mình không còn tình cảm với chị D nên nhất trí ly hôn chị D. Về con chung, anh cũng đề nghị để anh được nuôi cháu Bình, còn chị D nuôi cháu An và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản chung, anh không có đề nghị gì.

Tòa án tiến hành làm việc với lãnh đạo UBND xã Đ, đại diện Hội phụ nữ xã, Tư pháp xã và trưởng thôn N, xã Đ để xác minh tình trạng hôn nhân của chị D và anh T. Tại biên bản xác minh ngày 09/11/2017, đại diện lãnh đạo xã cùng đại diện ban, hội của địa phương đều xác nhận chị D và anh T có mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị D xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện cơ quan quản lý gia đình và trẻ em ở địa phương cũng xác nhận chị D và anh T ly thân nhau từ lâu và mỗi người vẫn nuôi một con. Nay anh chị ly hôn nhau, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu, nếu anh chị không thỏa thuận được thì để mỗi người nuôi một con để đảm bảo quyền lợi cho các cháu.

Cháu Phạm Đức Bình có đơn đề nghị được ở cùng với anh T, còn cháu Phạm Đức An đề nghị được ở với chị D.

Toà án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T và giải quyết việc nuôi con chung, ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác. Anh T nhất trí ly hôn với chị D và nhận nuôi con Phạm Đức Bình, để chị D nuôi con Phạm Đức An, ngoài ra anh còn đề nghị HĐXX xem xét chia tài sản chung của anh và chị D là hàng tạp hóa mà chị D đang bán nhưng anh không trình bày được cụ thể yêu cầu khởi kiện, cũng không xuất trình được căn cứ nào chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn giải quyết vụ án, chị D và anh T không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Chị D đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh Thực cơ bản thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án: áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T; về con chung: giao cho anh T nuôi con là Phạm Đức Bình, giao cho chị D nuôi con là Phạm Đức An, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; về án phí: chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T vào ngày 02/3/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Cả chị D và anh T đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng, anh chị đã ly thân nhau từ năm 2010 đến nay, chị D xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn. HĐXX thấy việc thuận tình ly hôn của chị D và anh T là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị D và anh T.

[2] Về quan hệ con chung: Chị D và anh T đều thống nhất quan điểm để chị D nuôi cháu Phạm Đức An, còn anh T nuôi cháu Phạm Đức Bình, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Đại diện UBND xã Đ (cơ quan quản lý nhà nước về gia đình ở địa phương) cũng đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu và nên giao cho anh T, chị D mỗi người nuôi một con để đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Do đó, HĐXX thấy cần thiết tiếp tục giao cháu Nguyễn Đức B cho anh T, cháu Nguyễn Đức A cho chị D nuôi dưỡng và chăm sóc, phù hợp với đề nghị của đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ. Chị D và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T về quyền yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên anh T không có đơn cũng như không trình bày về vấn đề này. Tại phiên tòa, anh T đề nghị chia tài sản chung là hàng tạp hóa mà chị D đang bán nhưng anh không trình bày được cụ thể các tài sản yêu cầu Tòa án giải quyết, cũng như không xuất trình được chứng cứ chứng minh nên HĐXX không có căn cứ xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh T có đơn yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp các tài liệu,

chứng cứ kèm theo thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Văn T, giao cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi con là Phạm Đức B, sinh ngày 14/5/2005; giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con là Phạm Đức A, sinh ngày 16/5/2009 đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị D và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AB/2014/0002063 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Đ, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

S